

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2017
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Viên kiểm sát không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A (Có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn B (Có đơn xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh B tự tìm hiểu với nhau và tổ chức đám cưới vào năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Do đó vào đầu năm 2013 anh B tự bỏ nhà đi sinh sống nơi khác và anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh B, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn C, hiện nay cháu C đã trưởng thành, tự lao động tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn B trình bày:

Anh thống nhất như chị A trình bày về quá trình chung sống, về nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị tổ chức đám cưới vào năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn, nay tình cảm giữa anh và chị A không còn, nên anh thống nhất ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh và chị Thủy có 01 con chung là cháu Nguyễn C, hiện nay cháu C đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị A không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không ai nợ lại anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vụ án ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của các đương sự, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt, Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án, công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau: Chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo luật định, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo luật định. Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn C, hiện nay cháu C đã trưởng thành, tự lao động tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị A và anh B không có tài sản chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh B và chị A không nợ ai và không ai nợ anh chị, nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ do chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình theo biên lai số: BO/2014-00589 ngày 02 tháng 10 năm 2017, chị A không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

BÙI VĂN TOÁN